

# Dốc đứng cuộc đời

Mộng Hoa

Con đường học vấn của lứa tuổi tôi gắn liền với những biến cố lịch sử khá quan trọng của đất nước. Tôi chập chững vào mẫu giáo là lúc Chính Biến 1963 xảy ra, khi ấy gia đình tôi vẫn còn ở thị xã Qui Nhơn. Năm vào học lớp Đệ Thất tại Trường trung học Đồng Khánh Huế thì Tết Mậu Thân với mìn chôn tập thể tang tóc xảy đến cho Cố đô Huế. Ra trường lớp Đệ Nhất, tháng Tư Đen lại ập đến, mất miền Nam và mất luôn cả nền dân chủ tự do, từ đó biết bao hệ lụy trong cuộc đời đã liên tiếp xảy đến.

Những ngày cuối cùng tháng Tư 1975 đã kết thúc năm học lớp 12B của chúng tôi trong tức tưởi nghẹn ngào, không áo không mũ, không liên hoan khánh tiết, không hứa hẹn cho một ước mơ tương lai sắp đến. Tất cả những dự định, hoài bão tươi đẹp từng ôm ấp trong những năm tháng mài đũa quân trên ghé nhà trường, phút chốc biến tan tành theo mây khói. Vài môi tình học trò ngây ngô, thơ mộng, lãng mạn, và nhẹ nhàng của tôi “Em tan trường về anh theo Ngộ về” đã lặng lẽ cuốn theo chiều gió ra đi. Bạn bè cùng lớp không kịp nói lời chia tay, mỗi đứa một phương trời, bị cuốn theo một phận đời riêng biệt, nghiệt ngã. Tất cả đều như một giấc mơ, mãi đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ những niềm đau, những nỗi lo lắng, tuyệt vọng và buồn tủi cho thân phận của chúng tôi và những người xung quanh.

Tuy nhiên, tôi là người không đầu hàng số phận và nghịch cảnh. Sau nhiều tháng dùi mài kinh sử tôi được trúng tuyển hạng nhì và được nhận vào Trường Đại học Y Khoa Huế NK 1975. Mở ngoặc xin giải thích lý do vì sao tôi được nhận vào YKH: Thời gian đầu tranh tối tranh sáng, chế độ sàng lọc lý lịch chưa kỹ lưỡng như những năm sau này, nên tôi có cơ hội may mắn được lọt vào. Ba tôi là một viên chức cao cấp của chế độ VNCH nhưng ông bị mất tích vào ngày 30/4. Mãi đến sau đó rất nhiều năm, gia

đình chúng tôi mới liên lạc được với nhau và biết rằng trong lúc loạn lạc người đã di tản sang Mỹ với đứa em trai. Tôi còn có người anh trai đầu là Trung Úy Quân y đã đi học tập cải tạo ở tận miền Bắc xa xôi.

Lớp YK Huế của tôi là đứa con đầu tiên của chế độ XHCN, thật là mĩa mai thay cho cái tên được đặt ra bởi Ban Giám hiệu nhà trường. Mà cái tên đó cũng rất đúng vì hầu hết những sinh viên trong lớp tôi đều là thành phần “cách mạng” hoặc con cán bộ, một điều tôi không hề biết cho đến khi bước chân vào trường học. Bản thân tôi do vậy bị xem là không có lý lịch tốt, không tiên tiến theo XHCN. Hầu như trong suốt 6 năm học tôi không bao giờ có một tình bạn hay tình đồng môn đúng nghĩa với các sinh viên trong lớp bởi vì chúng tôi luôn sống trong nghi kỵ, ty hiềm lẫn nhau. Nếu như những người lính Việt Cộng có tổ tam tam rất chặt chẽ, thì trong trường, chúng tôi có những tổ nhỏ, tổ lớn, đoàn, đảng để kiểm soát hành vi, tư tưởng của bạn học cùng lớp. Tuần nào cũng họp hành, phê bình, tự phê bình...Hồi đó những năm học đầu tiên còn ngây thơ, tôi tin vào cái lý tưởng và lời nói các tổ trưởng, bí thư Đoàn, bí thư Đảng, nên đã phấn đấu không mệt mỏi, đóng góp nhiều công sức cho lớp, cho trường qua các chương trình văn nghệ, lao động...nhưng càng về sau thì mới hiểu là mình đã bị lừa dối, bị cho ăn bánh vẽ một cách thật trắng trợn và chua xót.

Lớp của chúng tôi cũng không có được sự đoàn kết với các lớp trên vì như tôi đã trình bày chúng tôi là đứa con đầu lòng của chế độ XHCN. Còn những lớp đàn anh đàn chị đương nhiên chỉ là những đứa con ghẻ của trường YK. Ban Giám hiệu nhà trường luôn đem lớp chúng tôi ra biểu dương cho các lớp trên học tập noi theo, làm cho các lớp lớn có ác cảm và đương nhiên có sự chia rẽ là không tránh khỏi. Chương trình học của chúng tôi chỉ 6 năm (không có năm dự bị như các lớp YKH trước đây), được

gọi là lớp Y1A còn lớp trên chúng tôi một năm và cũng là lớp YKH cuối cùng của chế độ VNCH, được gọi là lớp Y1B. Lớp này bị tụt xuống và học chung với lớp tôi, thật là một không may cho lớp Y1B này.

Sáu năm học YK là những chuỗi ngày thử thách, gian khổ, và nhớ đời. Vì chủ trương “Hồng nhiều hơn chuyên”, nên chuyên môn chỉ là phụ, học chính trị là chính. Sinh viên phải cố nhớ nhét những môn học vớ vẩn như Marxism, Leninism, Maoism và tư tưởng HCM, rồi vác cuốc đi lao động. Nói về chuyện học chính trị của sinh viên chúng tôi thời đó, những ai chưa và thuộc diện không bao giờ được kết nạp vào Đoàn, vào Đảng như tôi, bị coi như là ý thức chính trị chưa tốt. Nhưng làm sao tốt được, dù có chẻ đầu ra làm hai, nhồi nhét những giáo điều không tưởng, những bịa đặt vô căn cứ, cá nhân tôi và nhiều bạn sinh viên lớn lên ở Miền Nam không bao giờ tiêu hóa được. Ngoài miệng lúc nào cũng thảo luận hăng say, nhưng thật ra ai cũng chỉ nói như vẹt, ra khỏi phòng học là không biết mình nói cái gì nữa! Bản thân tôi cố nhớ nhiều chi tiết để thấy rõ bản chất gian manh, dối trá và láo lùng của con người CS mà thôi.

Nói về chuyện đi lao động, với các khẩu hiệu, từ ngữ đao to búa lớn “Lao động là vinh quang”, “Bàn tay ta làm nên tất cả, với sức người sỏi đá cũng thành cơm”. Hàng tháng sinh viên phải xách cuốc xẻng đi trồng khoai, trồng sắn, đào đất, đắp đê, công tác thủy lợi. Làm sao chúng tôi, những sinh viên chân yếu tay mềm mà đi lao động đào kênh rạch, vét bùn lầy trên sông Hương, sông Thạch Hãn,...? Những tháng ngày dài khổ cực trên công trường với giờ cao điểm và danh hiệu chiến sỹ thi đua trong các đợt lao động đã vắt kiệt sức, có lúc làm cho tôi muốn ngã quỵ và đầu hàng vì sức khỏe không cho phép. Sau này tôi có nghe nói là các công trình này đều không được đưa vào sử dụng vì sai lầm về

chính sách, chỉ tiêu. Bởi vậy, người ta nói, ngu dốt mà đi đôi với quyền lực thì chỉ tạo ra phá hoại. Ai cũng biết như vậy nhưng không dám nói vì nếu mở miệng góp ý thì chắc là bị quy cho cái tội phản động, bị đuổi học hoặc tù tội.

Về chuyên môn phải nói nó là yếu tố quan trọng bậc nhất cho sinh viên Y khoa, một ngành liên quan đến sức khỏe và mạng sống con người. Nhưng dưới mái trường XHCN, chương trình giảng dạy cho sinh viên chỉ là để đạt chỉ tiêu, chạy theo số lượng nhiều hơn chất lượng. Sinh viên chúng tôi phải học trong những điều kiện hết sức khó khăn, thiếu thốn mọi thứ từ tài liệu sách vở cả tiếng Việt lẫn tiếng nước ngoài. Trường chỉ có một thư viện nhỏ với lượng sách giáo khoa rất khiêm tốn, không đáp ứng đủ yêu cầu tối thiểu cho sinh viên. Hầu hết kiến thức của sinh viên YK là qua các bài vở chép tay của các buổi học ở lớp. Cả thư viện và trường đều không có được một máy photocopy. Phương tiện thực tập không được tổ chức hợp lý và thiếu thốn rất nhiều. Một điều khá ngu xuẩn và nực cười là phải học tất cả những từ ngữ chuyên môn cho các tên thuốc, bệnh tật... phiên âm từ tiếng ngoại quốc ra tiếng Việt Nam. Vì vậy, danh từ “bác sỹ xuyên tâm liên” ra đời để ám chỉ về trình độ của các bác sỹ được đào tạo dưới chế độ XHCN.

Đội ngũ giảng dạy của trường vào thời đó gồm những thầy cô cũ của trường YKH thuộc chế độ VNCH và một số của chế độ Cộng Sản. Tôi có may mắn được học với các Thầy Cô của Trường YKH trước năm 75, là những người tôi rất yêu mến và thần phục về kiến thức, chuyên môn lẫn đạo đức,... Thầy Vận dạy chúng tôi môn Tai Mũi Họng. Thầy hay đem các ví dụ khôi hài trong cuộc sống để áp dụng vào bài vở cho bớt khô khan, nên học giờ Thầy rất vui, như đang nghe Thầy kể chuyện tiêu lâm. Có rất nhiều giai thoại hay, thú vị và độc đáo về người Thầy tài giỏi này, tôi mong ước sẽ có dịp để viết. Thầy Tự dạy môn Sản Phụ khoa. Thầy giảng bài không chệ vào đâu được, Thầy dùng ngôn từ bóng bẩy, văn chương. Giọng

Thầy nhỏ nhẹ và kiến thức thật uyên thâm. Học giờ Thầy, thời gian trôi rất nhanh, và cứ mong gặp lại trong các giờ học kế tiếp. Thầy Đài dạy môn hóa và sinh hoá là môn học tôi không bao giờ thích vì khó hiểu và mấy cái công thức khô khan phức tạp làm cho tôi rất nhức đầu. Tôi thật phục sao mà Thầy lại có thể rất giỏi và yêu môn học này được. Người thầy trẻ nhất và cũng rất khó với Sinh Viên là thầy Ngạc, dạy môn Anatomy (giải phẫu) phân xương tứ chi, đây là môn học mà tôi nằm ngủ vẫn còn bị “night mare” vì tôi không giỏi môn hình học không gian 3 chiều cho nên những sự tưởng tượng về các mặt của những cái xương tôi rất yếu. Cũng may mà cuối cùng tôi đậu được môn này. Thầy Châu dạy chúng tôi phần tiêu hoá lý thuyết và lâm sàng ở Bệnh Viện. Thầy đẹp trai, lạnh lợi và rất gần gũi với sinh viên. Một người thầy nữa mang hình ảnh mẫu mực nhất mà tôi và tất cả sinh viên của nhiều thế hệ đều luôn yêu mến và kính phục là thầy Bách, dạy và làm Trưởng khoa Bộ môn Nội ở Bệnh viện Huế. Hầu như tôi không bao giờ tìm thấy ở Thầy một sự không toàn vẹn về tư cách, đạo đức lẫn chuyên môn của một người thầy thuốc. Người Thầy đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng đẹp đẽ nữa là Thầy Công, dạy môn Giải phẫu vùng bụng. Thầy rất khoẻ mạnh, thân thể cường tráng như những tài tử võ thuật Hồng Kông. Thầy hơi nghiêm nghị, có giọng nói trầm âm đầy nội lực, có một kiến thức uyên bác và trông rất oai vệ.

Còn rất nhiều những vị thầy cô khác như thầy Đài dạy Anatomy Đầu Mặt Cổ, Thầy Bửu dạy Tim mạch, thầy Quảng dạy Sản Phụ khoa, thầy Bằng dạy Hô hấp, cô Bội Tiên dạy Sinh hóa, v.v...Còn lại đa số của Ban Giảng Huấn là những thành phần được đào tạo dưới chế độ Cộng Sản. Những người này đều nắm giữ các chức vụ quan trọng trong Ban Quản trị, Điều hành trường YKH và Bệnh Viện vì họ là Đảng viên chứ không phải có trình độ về chuyên môn học vấn.

Chế độ Cộng Sản thật đúng là bản cùng hóa nhân dân. ngày nào các thầy cô trước đây đã từng có những chức vụ và chỗ đứng cao quý

trong xã hội, đi xe hơi, ăn mặc áo quần sang trọng lịch lãm, được học sinh, sinh viên coi như thần tượng. Sau 1975, tất cả thầy cô cũng giống như trò và dân nghèo đứng xếp hàng chờ mua hàng hóa thức ăn bằng tem phiếu,...tòm tem mỗi người vài con cá, vài ba lạng thịt, một chút bột ngọt, một gói đường, gói muối, vài thước vải...Thật không còn vẻ cao quý uy nghiêm. Tất cả đều bị đảo lộn, thay đổi, vàng thau lẫn lộn khiến cho tôi cảm thấy rất đau lòng xót xa.

Sinh viên chúng tôi hồi đó đi học đến lớp cho có mặt vậy thôi, phần lớn đầu óc chỉ nghĩ đến những chuyện cơm áo gạo tiền, vượt biên, vượt biển...Những năm học YK của tôi là đúng vào cao trào vượt biên. Cứ vài ba hôm là thấy biến mất vài người, cả thầy lẫn trò, khiến ai cũng hoang mang, không có đủ tinh thần tập trung vào chuyện học hành nữa. Bản thân tôi hai lần suýt bị bắt vì đi vượt biên không thành công nhưng may mắn là không bị công an còng tay vào lao Thừa Phủ như các anh chị của tôi. Dù vậy, chúng tôi không bao giờ từ già giấc mơ vượt biên và đi ra khỏi cái đất nước của chế độ “từ vượn lên làm người”.

Suốt những năm trong YKH, chắc là vì không có duyên được làm dâu hay là vì cái lý lịch dính líu đến “Mỹ Ngụy”, nên tôi không có những mối tình, kỷ niệm sâu đậm nào với các chàng trai YKH (Lúc bấy giờ yêu nhau cũng sợ liên lụy nếu người mình yêu có lý lịch “xấu”). Bấy giờ ngồi nghĩ lại cũng thấy thật ư là buồn cười và tiếc cho cái tuổi hoa mộng 18-25 là tuổi đẹp đẽ nhất đời người nhưng đã qua đi một cách khá lặng lẽ. Thời kỳ hậu chiến đó là lúc mà kẻ thắng trận đã mạnh tâm trả thù, hành hạ, phân biệt đối xử kẻ bại trận và người dân ở bên kia khác chiến tuyến. Tất cả phải chịu mọi cực hình, bế tắc, tuyệt vọng. Dù sao nếu so với nhiều người phải đi tù cải tạo, bị thương tật, chết chóc thì hoàn cảnh của tôi vẫn còn may mắn và tốt đẹp hơn nhiều.

Năm 1981 tôi tốt nghiệp YKH, một lần nữa không áo không mũ, không kèn không trống, không có mảnh bằng lặn lưng, chỉ có một tâm trạng buồn chán, bất an, vô vọng như một số các bạn khác cùng khóa, không có nhiệm sở vì lý lịch “không tốt”, không nhân thân cách mạng, không biết đường dây để chạy chọt. Có một bạn vì lỡ nói một câu “Tôi yêu nước Việt Nam nhưng không yêu XHCN” mà phải bỏ nghề thầy thuốc, vì không được trưng dụng. Ngược lại, những thành phần dính líu đến “cách mạng” thì được ưu đãi, có nhiệm sở tốt, nắm giữ những chức vụ quan trọng trong các bệnh viện hoặc cơ sở y tế tại Thành phố Huế.

Sau hơn một năm lặn lội với chuyện nhiệm sở và nhờ có người mách bảo, mẹ tôi với “đồng tiền khôn đi trước” đã giúp tôi về nhận nhiệm sở và làm việc không lương ở huyện Phú Lộc. Huyện Phú Lộc là một huyện lớn dọc theo Quốc lộ 1 nằm phía Nam của tỉnh Thừa Thiên Huế, với cánh vật sông nước hữu tình, núi non hùng vĩ, tài nguyên biển cả trù phú vô tận. Hai ngọn núi Bạch Mã và núi Truồi sừng sững dọc theo quốc lộ được cắt ngang bởi sông Hung Bình với dòng nước trong xanh lơ lửng đã tạo nên một cảnh trí vô cùng độc đáo mà ca dao đã nói đến:

*Núi Truồi ai đắp mà cao,  
Sông Dinh ai bới, ai đào mà sâu  
Nong tầm, ao cá, nương dâu  
Đò xưa bến cũ nhớ câu hẹn hò.*

Hướng Tây quốc lộ là dãy núi Trường sơn, hướng đông tiếp giáp với Phá Tam Giang:

*Ai đưa ta đến chốn này  
Bên kia là núi, bên này là sông*

Phú Lộc là một quê hương thứ hai đã gắn chặt và để lại ấn tượng khá sâu sắc trong cuộc đời hành nghề bác sỹ của tôi từ 1982-87. Phong cảnh đẹp nhưng bao trùm lên tất

cả là một đời sống nghèo nàn, khổ cực và lạc hậu từ vật chất đến tinh thần của đời sống miền thôn quê khác biệt với Huế, dầu chỉ cách nhau vỏn vẹn 32 cây số. Bệnh viện Phú Lộc khá lớn khoảng trên 200 giường, chăm sóc cho dân chúng từ Nong, Truồi về đến Lăng Cô, qua Vinh Hiền, Vinh Lộc,... tương đối có đủ các chuyên khoa cơ bản Nội Ngoại Sản Nhi và Cấp cứu.

Lúc đến nhận nhiệm sở thì tôi là người bác sỹ thứ hai của bệnh viện. Nghe nói trước đó cũng có vài đàn anh, đàn chị về làm nhưng chỉ được vài tháng là tất cả đều bye bye, có lẽ không chịu được những khó khăn gian khổ và buồn chán ở đây. Thời đó nhà dân và ngay cả trong Bệnh Viện đều không có điện, không có nước, không có nhà vệ sinh, nhà tắm. Sau 3 giờ chiều, bệnh viện, chợ búa, công sở, trường học đều đóng cửa. Những sinh hoạt trong gia đình cũng tạm ngừng lại, mọi người chuẩn bị lên giường để ngủ sớm vì không có đủ dầu hỏa để thắp đèn. Bệnh viện dù khá lớn nhưng chỉ chữa trị những bệnh tật và vấn đề đơn giản mà thôi, hầu hết những bệnh nặng hay cần mổ xẻ lớn thì đều chuyển lên bệnh viện Trung ương Huế. Cái khổ tâm là có những gia đình, những bệnh nhân nghèo mà phải di chuyển từ những vùng rất xa xôi, qua nhiều chặng đường với những phương tiện đi lại rất khó khăn như qua phà, qua sông, thuê xe.... Nếu chẳng may bị từ chối vì không đủ điều kiện và khả năng chữa trị, gia đình phải tự túc đi từ bệnh viện Phú Lộc chuyển lên bệnh viện Huế. Có nhiều hoàn cảnh khá thương tâm, người dân phải bán hoặc cầm nhà cửa ruộng vườn để lo chạy chữa thuốc men, cấp cứu cho người thân vì chi phí quá lớn.

Có lẽ cũng như các huyện khác, bệnh viện Phú Lộc thiếu thốn mọi thứ từ thuốc men, dịch chuyển, máy móc, nhân lực.... Mỗi lần mổ xẻ thì phải lấy nguồn điện từ bình xe hơi mà bệnh viện chỉ có một chiếc xe nhỏ, có những tình huống rất bi đát, cười ra nước mắt như trong lúc mổ thì bình điện của xe bị hết thế là phải chuyển bệnh nhân lên bệnh viện Trung Ương Huế tiếp tục ca mổ.

Tôi là BS chuyên khoa Nội nhưng làm việc trong khoa Hồi sức Cấp cứu là khoa chính của bệnh viện. Còn tất cả những khoa, bộ phận khác như Nội, Nhi, Sản, Ngoại,... thì chỉ có các y sỹ chuyên tu điều trị. Nhưng nhiệm vụ tôi là Bác sỹ, phải chịu trách nhiệm bao quát cho tất cả các khoa, phòng khi ai cần hỏi ý kiến điều trị. Mang tên là khoa Cấp cứu Hồi sức nhưng thật sự là chúng tôi chỉ làm công việc cấp cứu sơ khởi rồi sau đó chuyển bệnh lên các tuyến trên vì rất nhiều những lý do đã trình bày ở trên. Hồi đó phương tiện giao thông không được an toàn mà Bệnh viện Phú Lộc lại nằm ngay dưới chân các đèo nguy hiểm như Hải Vân, Phước Tượng, Phú Gia nên chúng tôi thường nhận rất nhiều những bệnh nhân bị tai nạn giao thông, cấp cứu.

Ngoài điều kiện làm việc thiếu thốn, chỗ ăn ở của bác sỹ chẳng ra hồn. Tôi ở trong một căn phòng nhỏ sát với khoa làm việc và nuôi thêm đứa con trai nhỏ một tuổi trong lúc chồng đang làm việc ở Sài Gòn. Còn nhớ có những đêm trực toàn viện, tôi phải đi thăm bệnh nhân và bỏ con một mình trong phòng. Nó khóc thét lên đòi mẹ và làm ồn cả mấy căn phòng tập thể, khiến mọi người mất ngủ, tôi bị dũa te tua. Vào mùa hè, các giếng đều cạn tôi phải đi lấy nước thật xa. Niềm hạnh phúc của tôi lúc đó thật đơn giản là chỉ cần có một xô nước đầy, trước hết là để rửa đồ ăn uống và sau đó còn dùng đi dùng lại nhiều lần cho những việc khác như rửa ráy mặt mũi tay chân,...Mùa hè trời nóng như thiêu như đốt mà phòng ở cửa sổ không có song sắt nên không dám mở cửa, ngủ phải cởi hết áo quần mà vẫn không chịu nổi sức nóng hừng hực. Hầu như đêm nào tôi cũng phải thức suốt đêm để quạt cho con ngủ. Mùa đông thì lại càng thê thảm hơn, vì cái lạnh buốt giá từ rừng núi thổi về, mà cái mền mỏng rách nát nhiều chỗ không đủ sưởi ấm nên đã làm cho hai bàn chân của tôi bị viêm khớp, đau nhức dữ dội và không ngủ được. Không có phòng tắm cho nên tôi dùng tạm mấy tấm dứa để ngăn ra từ phòng ở và chỗ làm việc, và chỉ dám tắm vào ban đêm mà thôi. Chỗ tiêu tiêu cũng chỉ che chắn tạm thời gần ngay với phòng tắm, mỗi

lần gió thổi thì bốc mùi hôi thối nồng nặc cho cả khoa làm việc và khu nhà ở vừa rất mất vệ sinh vừa bị tra tấn bởi mùi hôi thối.

Không bao giờ tôi quên được cảm giác buồn bã, tê tái, khắc nghiệt, lạnh lẽo của những mùa đông ở Bệnh Viện Phú Lộc. Tôi và đứa con trai ngồi trong căn phòng xa khuất trong khu tập thể trên một ngọn đồi đồi mắt nhìn ra xa ngoài trời, mưa tầm tã suốt ngày đêm. Quang cảnh xung quanh Bệnh Viện như một bức tranh u buồn, bất động với đồng ruộng, cây cối mịt mù, lâu lắm mới thấy một bóng người hay xe cộ qua lại. Cuộc sống ở đây vốn đã u ám, buồn thảm, với những ngày mùa đông trời mưa thì lại càng da diết và sầu não hơn.

Sau năm 1975 các bác sỹ không được trả lương tiền làm việc mà chỉ sống nhờ vào tem phiếu để mua nhu yếu phẩm như thức ăn, vải vóc, với một tiêu chuẩn rất khiêm tốn không đủ sống qua ngày. Một trong những ngày vui của nhân viên bệnh viện là lúc các cửa hàng quốc doanh có bán thịt hay hàng hoá, không khí ở trong các khoa nhộn nhịp hẳn lên, mọi người hớn hở cố làm việc cho nhanh chóng để tranh thủ đi sắp hàng mua đồ tem phiếu rồi chia nhau. Cũng còn may mắn vì ít ra được ăn thịt một tháng một lần. Thường khoảng một vài tháng thì tôi bồng con lên thăm gia đình ở Huế, nhân tiện mua thêm những vật dụng cần thiết cho đời sống và thuốc men để đi khám bệnh chui những vùng nông thôn lân cận vào cuối tuần để tăng thu nhập, và đáp ứng yêu cầu của bệnh nhân không có điều kiện đến bệnh viện (nhiều bệnh nhân không tin tưởng vào điều trị của các y sỹ trong bệnh viện). Hồi đó tất cả các bác sỹ không có được quyền mở phòng khám bệnh tư nhân.

Dầu chỉ cách Huế 32 km nhưng vẫn đề đi lại thời đó thật là khó khăn. Mỗi ngày chỉ có vài chuyến xe đò hầu hết rất cũ kỹ chạy

bằng than và chắm dứt trước 2 giờ chiều. Chỗ tôi ở rất xa trạm xe buýt nên mỗi lần muốn lên Huế thì tôi bồng con đi bộ ra một đoạn đường đất khá dài đứng chờ xe. Khi trời mưa hay vào mùa đông thì đất đỏ bám vào giày dép rất nặng và khó bước đi. Cho nên dân tình ở đây mới đặt cho Phú Lộc một cái tên rất dễ thương là đất mền khách. Có khi chờ rất lâu cả mấy tiếng đồng hồ để đón xe. May lắm thì mới bắt được một chuyên và khi xe dừng lại ở một đoạn rất xa thì 2 mẹ con phải chạy theo đến khi lên được thì mặt mày xanh lét không còn hơi sức nữa. Xe đồ khi nào cũng đông khách, một tay bồng con, tay kia thì vịn trên trần xe, và chỉ đứng một chân như chim cò, xung quanh thì ôi thôi, thúng mủng, gồng gánh, hàng hóa, tôm cá, mùi hôi và người chen chúc không có chỗ để mà thở vậy mà cuối cùng thì cũng lên đến nơi về đến chốn. Mỗi lần đi xe đồ lên về là mất cả mấy tiếng đồng hồ vì xe phải chờ khách ở trạm / bến xe rồi còn đón khách dọc đường, bao nhiêu khách cũng nhồi nhét cho đầy xe để tăng lợi nhuận. Khách đi xe biết vậy nhưng chỉ mong có phương tiện đi lại là mừng rồi.

Cái khó khăn về đời sống thì lâu dần cũng thích nghi được vì tôi là người giỏi chịu đựng, thích làm việc và thương dân miền quê nhưng cái khổ tâm và bực mình nhất và cũng là lý do khiến cho các bác sỹ đàn anh chị trước đây phải bỏ việc là phải đương đầu với hệ thống lãnh đạo, ban tổ chức bệnh viện của CS, vừa ngu dốt, độc tài và háms danh, háms lợi. Cả một đám y sỹ rùng Trùng sơn chuyên tu, tại chức (dốt như chuyên tu, ngu như tại chức) mà lại đứng ra điều hành và làm công tác chuyên môn quyết định tới hậu đến sinh mạng con người. Mỗi lần nghĩ đến những cảnh mất thây tai nghe về cách làm việc và tay nghề của đám y sỹ này tôi không khỏi rùng mình. Có lần một y sỹ chuyên tu chữa trị cho một bệnh nhân bị sốc vì dịch tả, thay vì phải chuyển nước và điện giải trực tiếp vào đường tĩnh

mạch thì ông lại cắm trực tiếp vào vùng cơ đùi của bệnh nhân khiến cho vùng này bị sưng lên và đương nhiên sau đó người bệnh nhân bị chết vì choáng ( shock) mất nước. Còn rất nhiều cái chết thương tâm oan uổng cho những số mạng, những mệnh đời không may của người dân được chữa trị dưới tay những người thầy thuốc của chế độ CS vừa ngu dốt và không có lương tâm.

Điều an ủi là người dân và những bệnh nhân ở Phú Lộc rất chân tình, mộc mạc và quý mến các bác sỹ, y tá...Thỉnh thoảng họ đem biếu cho bệnh viện những sản phẩm cây nhà lá vườn đôi khi là những củ khoai, củ sắn rất nhỏ bằng những ngón chân cái hay rau trái cà chua còn rất xanh, nhưng chúng tôi biết đó là cả một tấm lòng thương mến. Vì tôi là bác sỹ nữ độc nhất vô nhị và có thêm con mọn, nên được ưu tiên chút chút. Nhiều khi không đòi hỏi, nhờ vả, mà cũng được xách nước giùm, chẻ và hong củ ứot, đi chợ mua giùm đồ ăn, đôi khi còn được cho các món thức ăn rất quý như cá, tôm, cua, ếch, lươn...Đó là những phần thưởng tinh thần rất lớn đối với tôi, đã giữ chân tôi lại làm việc hơn 6 năm dài đằng đằng trong những điều kiện khá khắc nghiệt. Nhiều khi nghĩ nhìn lại chặng đường dài mình đã ở Phú Lộc, tôi cảm thấy rất vui và tự hào đã giúp được người dân ở đây rất nhiều trong những vấn đề chữa trị bệnh tật, qua đó góp phần xoa dịu được phần nào những nỗi thống khổ của những mảnh đời bất hạnh.

Sau 6 năm làm việc gian khổ buồn nhiều hơn vui cuối cùng tôi cũng được chuyển vào làm việc ở một bệnh viện Sài Gòn theo diện chuyển hộ khẩu theo gia đình. Hồi đó ở Huế mà vào làm việc ở các bệnh viện Sài Gòn còn khó hơn xuất cảnh đi Mỹ vì phải cần quen biết, tốn kém tiền bạc lo lót...Tôi làm Khoa Cấp cứu Hồi sức người lớn (Intensive Care Unit) ở Bệnh Viện Nhiệt Đới, là bệnh viện lớn nhất ở miền nam về các bệnh truyền nhiễm như viêm gan, sốt rét, dịch tả, sốt xuất huyết, thương hàn.... Bệnh viện có khoa nghiên cứu kết hợp với Anh Quốc để tìm cách dùng những phương pháp và thuốc men mới trong việc chữa trị cho các bệnh

truyền nhiễm. Tôi tham gia rất nhiều những công trình nghiên cứu và đạt nhiều kết quả tốt, tìm ra được các thuốc mới để chữa bệnh sốt rét, thương hàn, Khi có những mùa dịch, như dịch tả, sốt xuất huyết, v.v...thì đi công tác ở các tuyến huyện, xã ở những vùng sâu vùng xa. Tôi rất biết thân biết phận mình vì lý lịch gia đình cho nên không màng đến việc thăng quan tiến chức trong công việc và nghề nghiệp mà chỉ làm việc hăng say, cống hiến tài năng và tuổi trẻ của mình cho lý tưởng khoa học và phục vụ người bệnh để làm cho đời sống con người ngày một tốt đẹp hơn. Đây là thời gian hạnh phúc nhất trong cuộc đời bác sỹ của tôi. Có một kỷ niệm mà tôi vẫn còn nhớ mãi và rất đau lòng trong thời gian làm việc ở khoa HSCC. Lúc đó tôi tiếp nhận điều trị cho cả một gia đình ở vùng kinh tế mới bị sốt rét ác tính. Vì khi chuyển đến khoa trong tình trạng bệnh quá nặng, nên dù được chữa trị tối đa nhưng cả gia đình gồm 2 vợ chồng và 3 đứa con nhỏ đều không qua khỏi bàn tay của tử thần. Dù vẫn thường xuyên thấy nhiều cái chết của bệnh nhân trong khoa HSCC nhưng trước cảnh tượng đó tôi đã bị sốc và qui trách nhiệm chế độ Cộng Sản là thủ phạm đẩy các gia đình lên vùng kinh tế mới một cách vô trách nhiệm, không có sự chuẩn bị về y tế hay những nhu cầu căn bản, tối thiểu cho đời sống, gây nên bao cảnh trở trêu đau lòng như bệnh tật, tai nạn, chết chóc cho dân lành vô tội.

Về cuộc sống kinh tế của gia đình tôi vì lương tiền của bác sỹ, kỹ sư hồi đó không đủ ăn sáng cho nên ngoài việc làm ở bệnh viện, tôi có mở thêm một phòng khám nhỏ để tăng thêm thu nhập. Lúc đó ở miền Nam chính sách về Y tế thoáng hơn các tỉnh miền Trung, cho phép bác sỹ được mở thêm phòng khám tư nhân do đòi hỏi về nhu cầu của bệnh nhân và xã hội mà bệnh viện nhà nước không cung cấp đủ. Mỗi ngày đi làm việc từ nhà đến bệnh viện rất xa mà tôi phải còng lưng trên chiếc xe đạp cọc cạch dưới cái nắng gay gắt ở Sài Gòn. Do làm việc quá sức mà đời sống kinh tế của gia đình tôi vẫn không khá hơn, ăn uống không đầy đủ nên người tôi ngày càng ốm nhom ốm

nhách như những người mẩu thời trang.

Cuối năm 1994 tôi định cư ở Mỹ theo diện đoàn tụ gia đình ở cái tuổi gần nửa đời người. Hành trang tôi mang theo chỉ một ít tiền lộ phí, một mớ kiến thức chuyên môn được đào tạo dưới XHCN, một hoài bão sẽ tiếp tục đóng góp công sức chứ không là một gánh nặng cho đất sẽ cưu mang tôi. Tôi ra đi với tâm lý không có gì để mất và một quyết tâm không thành công sẽ thành nhân trên đất khách quê người. Cuối cùng thì số phận cũng đã mỉm cười với tôi. Vài lần có dịp về thăm lại gia đình ở VN tôi đều có ghé thăm các ngôi trường Đồng Khánh, YKH, các bệnh viện Phú Lộc, bệnh viện Nhiệt Đới để tìm lại những kỷ niệm xưa và thăm lại bạn bè, các thầy cô, các đồng nghiệp. Khung cảnh và con người đều có thay đổi theo thời gian nhưng trường ốc thì vẫn cũ kỹ, cách sinh hoạt và điều trị trong các bệnh viện vẫn không thấy tiến triển, hay khá hơn đâu đã bốn chục năm qua, hỏi ra thì vẫn câu trả lời mà tôi đã đoán trước là” không có ngân quỹ, đang chờ”. Vũ như Cần. Riêng ở bệnh viện Phú Lộc tôi đã gặp lại những đồng nghiệp cũ, họ và người dân ở đây vẫn còn nghèo khó, cuộc sống vẫn còn tăm tối và bế tắc qua mấy thế hệ cha truyền con nối.

Tôi tự hỏi, chùng nào dân ta mới thoát khỏi cảnh nghèo đói lạc hậu? Có lẽ chỉ có khi nào mọi người biết quan tâm và tích cực góp tay vào việc xóa sạch mọi tội ác và những bất công đang xảy ra hàng ngày trên đất nước Việt Nam mà thôi.

Mộng Hoa YKH 15

